

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC  
NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH: Kế toán**

**1. Tên học phần:**

Tiếng Việt: Kế toán 2

Tiếng Anh: ACCOUNTING 2

**Mã số học phần:** DHCQ0088

**Số tín chỉ học phần:** 3(3,0)

**Số tiết học phần:**

Lý thuyết: 45; Thực hành 0, thí nghiệm: 0

Tự học: 105

**2. Đơn vị quản lý học phần**

2.1. Giảng viên giảng dạy:

1. ThS. Đỗ Thị Mơ
2. ThS. Trần Thị Mây
3. ThS. Nguyễn Thị Thơm
4. ThS. Vũ Thị Phượng

2.2. Bộ môn: Kế toán

2.3. Khoa: Kinh tế

**3. Điều kiện học học phần**

Học sau học phần: Nguyên lý kế toán, kế toán 1

**4. Mục tiêu của học phần:**

Trang bị cho sinh viên những kiến thức về kế toán tài sản cố định, Kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, Kế toán nợ phải trả và nguồn vốn chủ sở hữu trong doanh nghiệp. Đồng thời đạt được những kỹ năng cụ thể để có thể ứng dụng kiến thức về kế toán vào giải quyết các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong thực tiễn của doanh nghiệp.

**4.1. Kiến thức:**

4.1.1. Có được kiến thức cơ bản và toàn diện về kế toán tài sản cố định, Kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, Kế toán nợ phải trả và nguồn vốn chủ sở hữu.

4.1.2. Có kiến thức tổng hợp và toàn diện, chuyên sâu và nắm chắc quy trình kế toán các nghiệp vụ kinh tế về kế toán tài sản cố định, Kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, Kế toán nợ phải trả và nguồn vốn chủ sở hữu.

4.1.3. Biết vận dụng các phương pháp kế toán hạch toán kế toán về kế toán tài sản cố định, Kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, Kế toán nợ phải trả và nguồn vốn chủ sở hữu để xử lý các tình huống phát sinh trong thực tiễn doanh nghiệp



#### 4.2. Kỹ năng:

4.2.1. Có các kỹ năng thực hiện chính xác hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp liên quan đến các phần hành kế toán được học trong học phần

4.2.2. Có kỹ năng chuyên môn như kỹ năng nhận diện sự biến động, mối quan hệ, của đối tượng kế toán phát sinh trong nghiệp vụ kinh tế của doanh nghiệp

4.2.3. Hình thành các kỹ năng xây dựng và phân tích mối quan hệ biến động tăng giảm của các đối tượng kế toán phát sinh trong các nghiệp vụ kinh tế

4.2.4. Rèn luyện kỹ năng mềm như kỹ năng xử lý và giải quyết vấn đề, kỹ năng tư duy sáng tạo, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng làm việc độc lập,...

4.2.5. Rèn luyện kỹ năng xã hội cơ bản trong hoạt động chuyên môn để lập luận, minh chứng xác thực, thuyết phục trong phân tích lý thuyết và giải quyết tình huống thực tiễn.

#### 5. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi hoàn thành việc học học phần này, sinh viên có thể:

1. Hiểu được kiến thức nền tảng kế toán tài sản cố định, Kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, Kế toán nợ phải trả và nguồn vốn chủ sở hữu.

2. Biết ứng dụng kiến thức về kế toán vào giải quyết các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong thực tiễn của doanh nghiệp.

3. Hình thành các kỹ năng chuyên môn như kỹ năng nhận diện được sự biến động các đối tượng kế toán cũng như xác định chiều biến động tăng giảm và hạch toán các đối tượng kế toán

4. Hình thành các kỹ năng xây dựng và phân tích mối quan hệ biến động tăng giảm của các đối tượng kế toán phát sinh trong các nghiệp vụ kinh tế

5. Có khả năng tìm kiếm tài liệu, tự nghiên cứu và trình bày những nội dung liên quan đến các đến các nội dung kế toán được học trong học phần này,...

6. Có khả năng làm việc trong các nhóm, để thảo luận giải quyết các vấn đề liên quan đến hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong doanh nghiệp.

#### 6. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức chuyên môn chủ yếu về kế toán tài sản cố định; Kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm; Kế toán nợ phải trả và nguồn vốn chủ sở hữu

#### 7. Cấu trúc nội dung học phần

Đề mục	Nội dung	Số tiết			Mục tiêu
		Tổng	LT	TH/TN	
<b>Chương 4</b>	<b>Kế toán tài sản cố định và các khoản đầu tư dài hạn</b>	<b>18</b>	<b>18</b>		4.1.1 4.1.2
4.1	Kế toán tài sản cố định	12	12		4.1.3
4.2	Kế toán các khoản đầu tư dài hạn	3	3		4.2.1
	Câu hỏi và bài tập chương 4	3	3		4.2.2

Đề mục	Nội dung	Số tiết			Mục tiêu
		Tổng	LT	TH/TN	
					4.2.4
					4.2.5
<b>Chương 5</b>	<b>Kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm</b>	<b>18</b>	<b>18</b>		4.1.1
					4.1.2
5.1	Khái niệm, nhiệm vụ kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm	1	1		4.1.3
					4.2.1
5.2	Phân loại chi phí sản xuất kinh doanh và giá thành sản phẩm	2	2		4.2.3
					4.2.4
5.3	Phương pháp kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm	10	10		4.2.5
	Câu hỏi và bài tập chương 5	3	3		
	Kiểm tra giữa kỳ	2	2		
<b>Chương 6</b>	<b>Kế toán các khoản nợ phải trả và nguồn vốn chủ sở hữu</b>	<b>9</b>	<b>9</b>		4.1.1
					4.1.2
6.1	Nhiệm vụ kế toán	2	2		4.1.3
6.2	Kế toán các khoản nợ phải trả	2	2		4.2.1
6.3	Kế toán nguồn vốn chủ sở hữu	2	2		4.2.3
	Câu hỏi và bài tập chương 6	3	3		4.2.4
					4.2.5
	<b>Tổng cộng</b>	<b>45</b>	<b>45</b>		

### 8. Phương pháp giảng dạy

- Giảng dạy lý thuyết kết hợp vận dụng làm bài tập
- Phương pháp thuyết trình, đàm thoại,...

### 9. Nhiệm vụ của sinh viên:

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Có mặt tối thiểu 70% số tiết học lý thuyết.
- Tham gia và hoàn thành đầy đủ các buổi thảo luận, bài tập nhóm/bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Chủ động chuẩn bị các nội dung và thực hiện giờ tự học theo mục 12

### 10. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

10.1. Cách đánh giá: Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm chuyên cần	Số tiết sinh viên tham dự học/tổng số tiết quy định. Ý thức, thái độ học tập trên lớp, ý thức chuẩn bị bài, làm bài tập ... của sinh viên.	10%	Sinh viên không tham dự đủ 70% số tiết học trên lớp thì không được dự thi kết thúc học phần
2	Điểm quá trình	Bài kiểm tra giữa kỳ	30%	
3	Thi kết thúc học phần	Thi trắc nghiệm + Tự luận (90 phút)	60%	



## 10.2. Cách tính điểm:

Điểm học phần bao gồm điểm điểm chuyên cần (đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận); điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần thực hiện theo công thức sau:

$$\boxed{\text{Điểm học phần}} = \boxed{\text{Điểm chuyên cần} \times 0.1} + \boxed{\text{Điểm quá trình} \times 0.3} + \boxed{\text{Điểm thi kết thúc học phần} \times 0.6}$$

Điểm học phần tính theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy chế đào tạo của Nhà trường.

## 11. Tài liệu học tập

### 11.1. Tài liệu chính

[1] GS.TS.NGND Ngô Thế Chi, TS Trương Thị Thùy, Giáo trình “Kế toán tài chính”, Học viện tài chính, NXB tài chính, 2010.

### 11.2. Tài liệu tham khảo

[2] TS.Lãnh Thị Hòa, Giáo trình” Kế toán tài chính DN 2”, Đại học Công nghiệp Quảng Ninh, 2019.

[3] Bài giảng kế toán 2, Đại học Công nghiệp Quảng Ninh, 2022 (Lưu hành nội bộ)

## 12. Hướng dẫn tự học của học phần

Chương	Nội dung	LT (tiết)	BT (tiết)	TH (tiết)	SV cần chuẩn bị
4	Kế toán tài sản cố định và các khoản đầu tư dài hạn	10	32		Tài liệu [1], [2], [3]
5	Kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm	10	32		Tài liệu [1], [2], [3]
6	Kế toán Các khoản nợ phải trả và nguồn vốn chủ sở hữu	10	11		Tài liệu [1], [2], [3]

Quảng Ninh, ngày 15 tháng 11 năm 2022



HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Hoàng Hùng Thắng

ThS. Đỗ Thị Mơ

ThS. Vũ Thị Phượng